

13	Thành viên HĐQT của Công ty đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác	Không	Không	Không
14	Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD (GD), người quản lý khác của Công ty thực hiện hợp đồng, giao dịch khi chưa được DHDCEĐ hoặc HĐQT chấp thuận.	Không	Không	Không
15	Công ty có số lượng thành viên HĐQT ít hơn số lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Doanh Nghiệp	Không	Không	Không
16	Công ty có số lượng thành viên BKS ít hơn 3 người	Có	Có	Có
17	Công ty không đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành	Không	Không	Không
18	Công ty không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	Không	Không	Không
19	Công ty không mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC năm của Công ty dự hợp DHDCEĐ thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán BCTC năm của công ty có khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối	Có	Có	Có
20	Công ty vi phạm quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	Không	Không	Không
21	Chủ tịch HĐQT không báo cáo DHDCEĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất nội dung đã được thông qua tại NQ DHDCEĐ trước đó nhưng chưa thực hiện; không báo cáo DHDCEĐ gần nhất thông qua trước khi thực hiện thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của DHDCEĐ	Không	Không	Không
22	Công ty không ký kết hợp đồng bằng văn bản khi tiến hành giao dịch với người có liên quan	Không	Không	Không
23	Công ty không đảm bảo thành viên HĐQT, BKS, Ủy ban kiểm toán đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và không thuộc các trường hợp pháp luật quy định (theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)	Không	Không	Không
23.1	Công ty có thành viên HĐQT là người thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp	Không	Không	Không

23.2	Công ty có thành viên HĐQT là người có quan hệ gia đình của GD, TGD và người quản lý khác của Công ty; người có quan hệ gia đình của người quản lý; người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ	Không	Không	Không
23.3	Công ty có KSV là người thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp	Không	Không	Không
23.4	Công ty có KSV là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, GD hoặc TGD và người quản lý khác	Không	Không	Không
23.5	Công ty có KSV là người quản lý công ty	Không	Không	Không
23.6	Công ty có KSV là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người có quan hệ gia đình của người đại diện phần vốn của doanh nghiệp; người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty	Không	Không	Không
23.7	Công ty có KSV làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty	Không	Không	Không
23.8	Công ty có KSV là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các BCTC của Công ty trong 03 năm liền trước đó	Không	Không	Không
23.9	Trưởng ban kiểm soát không có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty	Không	Không	Không
24	Công ty không đảm bảo cơ cấu có Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT hoặc không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	Có	Có	Có
24.1	Công ty không có Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT đối với trường hợp công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp			
24.2	Công ty có số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán ít hơn 02 người			
24.3	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán của Công ty không phải là thành viên HĐQT độc lập			
24.4	Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán không phải là thành viên HĐQT không điều hành			
24.5	Công ty có thành viên Ủy ban kiểm toán làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty			

